

Bản án số: 41/2024/HS-ST
Ngày: 13-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải.

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Phan Thanh P (còn có tên là Phong M), sinh ngày 26 tháng 7 năm 1992, tại Bến Tre. Nơi cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Công Đ và bà Nguyễn Thị N; có vợ và 01 con; tiền sự: Không; tiền án: 02, Bản án số 05/2020/HS-ST ngày 27/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xử phạt 01 năm 03 tháng tù; Bản án số 34/2020/HS-ST Ngày 21/7/2020, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Hồng Ngự, xử phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt với Bản án số 05/2020/HS-ST phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 03 năm 03 tháng tù, chấp hành xong ngày 10 tháng 02 năm 2023; nhân thân: (1) Ngày 03/7/2015, Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 08 tháng 01 năm 2016; (2) Ngày 15/6/2016, Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp

tài sản, chấp hành xong ngày 08 tháng 3 năm 2017. (3) Ngày 13/6/2019, Công an phường A, thị xã H, phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (Ghi nhận tại Bản án số 05/2020/HS-ST ngày 27/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông và Bản án số 34/2020/HS-ST ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự); bị bắt, tạm giam: Không; có mặt.

- *Bị hại*: Lâm Thanh Đ1, sinh năm 1973; nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Khúc Thành T, sinh năm 1988; nơi cư trú: C T, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng: Võ Ngọc D, Phan Công Đ; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 40 phút, ngày 04 tháng 4 năm 2024 P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream (không rõ biển số) đến cửa hàng B thuộc Khóm T, thị trấn T, huyện H, để mua ống hút nhựa (để sử dụng ma túy), mua xong. Khi bước ra khỏi cửa thì thấy điện thoại OPPO A58, để ở trên loa hát nhạc (loa kéo kéo), nên P nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại nên P giả vờ nói chuyện với Lâm Thanh Đ1 (nhân viên bảo vệ). Lúc đang nói chuyện thì có khách lấy xe và làm rơi đồ nên ông Đ1 lại giúp nhặt đồ dùm khách. Lợi dụng ông Đ1, không chú ý tài sản, thì P lấy điện thoại và giấu vào bên trong áo. Sau đó lấy xe điều khiển đến Cửa hàng điện thoại Toàn T, do anh Khúc Thành T1 (làm chủ) thuộc phường V, thành phố C, tỉnh An Giang bán với giá 2.500.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Ông Đ1 đến Công an thị trấn T, trình báo sự việc. Xét thấy, có dấu hiệu của tội phạm trộm cắp tài sản nên Công an thị trấn T chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H để điều tra theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A58, màu đen, Imei số: 865039068451238; 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu đen, mặt lưng có in họa tiết hình bản đồ Việt Nam màu đỏ và ngôi sao năm cánh màu vàng. Điện thoại có gắn 02 sim số (01 sim 0967.700.076; 01 sim 0978.472.613), tài sản bị mất trộm của Lâm Thanh Đ1. Ngày 10 tháng 5 năm 2024, Cơ quan điều tra trả lại cho ông Đ1.

Kết luận định giá tài sản số 18/KLHĐĐGTS-TTHS, ngày 26/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: Điện thoại di

động nhãn hiệu OPPO A58, màu đen, Imei số: 865039068451238, đã qua sử dụng, trị giá 1.797.000 đồng; Ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu đen, mặt lưng có in họa tiết hình bản đồ Việt Nam màu đỏ và ngôi sao năm cánh màu vàng, đã qua sử dụng, trị giá: 5.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 25/KLHĐĐGTS-TTHS, ngày 16/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: Sim điện thoại số 0967.700.076, mạng V, trị giá 25.000 đồng; Sim điện thoại số 0978.472.613, mạng Vinaphone, trị giá 12.500 đồng.

Tổng giá trị là: 1.839.500 đồng.

Tại Cáo trạng truy tố số 40/CT-VKSHN ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo Phan Thanh P từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Vật chứng: Đã xử lý xong. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo P thống nhất bồi thường số tiền 2.500.000 đồng cho anh T1.

Bị cáo P không bào chữa, tranh luận; lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thanh P khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Bị cáo Phan Thanh P là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; Ngày 21 tháng 7 năm 2020, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Hồng Ngự, xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 10/02/2023, chưa xóa án tích; Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tiếp tục trộm cắp tài

sản của bị hại Lâm Thanh Đ1 là điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A58, màu đen, có gắn ốp lưng, 02 sim, tổng trị giá 1.839.500 đồng. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Phan Thanh P phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo P là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[6] Về nhân thân: Từng có 02 tiền án, 01 tiền sự.

[7] Tiền án: Có 02 tiền án, sử dụng làm yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của BLHS.

[8] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[9] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản nên không thể cho rằng bị cáo không biết trộm cắp tài sản là tội phạm. Do đó, không chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ này theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS mà Kiểm sát viên đề xuất tại phiên tòa.

[10] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[11] Về vật chứng: Đã xử lý xong.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[13] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[14] Những vấn đề khác Viện kiểm sát không đề cập, nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

1.1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Thanh P phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

1.2. Xử phạt bị cáo Phan Thanh P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Về trách nhiệm dân sự:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận, bị cáo Phan Thanh P bồi thường số tiền 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng cho anh K Thành T.

2.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3. Hướng dẫn quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí, căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phan Thanh P phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13 tháng 9 năm 2024). Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú